

Bản án số: **61/2023/DS-ST**

Ngày: 29/6/2023

V/v: *Tranh chấp hợp đồng tín dụng*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thắng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Anh Đức
2. Ông Trần Văn Vinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Mai Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T

- Đại diện VKSND huyện T tham gia phiên tòa: Bà Tô Thu Thủy - Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 26/2023/TLST-DS ngày 03/4/2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2023/QĐXXST-DS ngày 26/5/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 31/2023/QĐST-DS ngày 12/6/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S

Địa chỉ trụ sở: 266 - 268 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 8, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D, Tổng Giám đốc

Đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Ngọc T, Tổng Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên quản lý nợ và khai thác tài sản Ngân hàng S (Giấy ủy quyền số 2535A/2022/GUQ-PL ngày 12/10/2022 của Ngân hàng TMCP S)

Người được ủy quyền lại: Ông Nguyễn Thanh H, Nhân viên Công ty TNHH Một thành viên quản lý nợ và khai thác tài sản Ngân hàng S (Giấy ủy quyền số 312/2023/UQ-TGD ngày 17/02/2023 của Công ty quản lý nợ và khai thác tài sản Ngân hàng S) (có mặt)

Bị đơn: Ông Nguyễn Trọng H, sinh năm 1987 (vắng mặt)

HKTT: P2008, CT8C, chung cư C, xã T, huyện T, Hà Nội

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, Ngân hàng TMCP S trình bày:*

Ngày 05/5/2019, ông Nguyễn Trọng H có ký với Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ kèm hợp đồng và Bản điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của ông Nguyễn Trọng H Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 30.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông H đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là: 532.428.982 đồng, phát sinh tiền lãi là: 16.357.966 đồng, phí trễ hạn là: 945.917 đồng, phí thường niên và phí VHM là 1.008.196 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông Nguyễn Trọng H đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền là: 505.890.000 đồng. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông H vẫn không có thiện chí trả nợ, ông H vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Ngày 22/03/2021, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Tính đến hết ngày 29/6/2023 ông Nguyễn Trọng H còn nợ các khoản sau: Nợ gốc: 34.016.671 đồng; Lãi: 38.660.038 đồng; tổng cộng: 70.676.709 đồng.

Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án:

- Buộc ông Nguyễn Trọng H phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 29/6/2023 như trên và các khoản lãi phát sinh từ ngày 30/6/2023 cho đến khi trả dứt điểm nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

- Buộc ông Nguyễn Trọng H phải chịu trách nhiệm thanh toán toàn bộ án phí, phí thi hành án, chi phí phát sinh liên quan.

Bị đơn là ông Nguyễn Trọng H đã được niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng đều không đến Tòa và không có lời khai.

Tại phiên tòa: Ngân hàng TMCP S giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và giữ nguyên quan điểm như đã trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T có quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán đã tiến hành đầy đủ thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự. Nguyên đơn chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ, bị đơn không chấp hành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải thanh toán toàn bộ số tiền gốc cho nguyên đơn và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng các bên đã ký kết. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, các chứng cứ và tài liệu do các đương sự xuất trình, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng (dành cho khách hàng cá nhân) ngày 05/5/2019 do ông H ký và nộp cho Ngân hàng TMCP S, ông Nguyễn Trọng H khai có hộ khẩu thường trú tại P2008, CT8C, chung cư C, xã T, huyện T, Hà Nội. Căn cứ Khoản 3 Điều 26; Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T.

[2] Về tố tụng: Xác minh tại địa phương: ông Nguyễn Trọng H có hộ khẩu thường trú tại P2008, CT8C, chung cư C, xã T, huyện T, Hà Nội, nhưng đã không còn sinh sống tại địa phương, không rõ chuyển đi đâu do không khai báo. Khi thay đổi nơi cư trú, ông H cũng không thông báo với Ngân hàng. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, thuộc trường hợp được coi là cố tình giấu địa chỉ. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng đối với bị đơn nhưng bị đơn đều vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Ngân hàng TMCP S cấp thẻ tín dụng cho ông Nguyễn Trọng H căn cứ theo: Giấy đề nghị cấp thẻ kiêm hợp đồng và Bản điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

Các văn bản tín dụng trên đều được các bên ký kết tự nguyện, những người tham gia ký kết có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, đúng thẩm quyền, nội dung không trái pháp luật và đạo đức xã hội, hình thức của hợp đồng, giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng và các văn bản tín dụng khác phù hợp với quy định của pháp luật nên có giá trị pháp lý và có hiệu lực thi hành đối với các bên.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Ngày 22/03/2021, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ

còn thiếu sang nợ quá hạn và khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng là đúng theo thỏa thuận của các bên đã ký. Ngân hàng yêu cầu ông H trả nợ gồm nợ gốc và lãi là phù hợp với các Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Qua xem xét, việc tính lãi của Ngân hàng phù hợp với mức lãi suất theo hợp đồng nên được chấp nhận. Do vậy, buộc ông H phải trả cho Ngân hàng số tiền tính đến ngày 29/6/2023 là: Nợ gốc: 34.016.671 đồng; Lãi: 38.660.038 đồng; tổng cộng: 70.676.709 đồng.

Kể từ ngày 30/6/2023, ông Nguyễn Trọng H còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại Giấy đề nghị cấp thẻ kiêm hợp đồng và Bản điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng TMCP S cho đến khi trả hết nợ gốc.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của Ngân hàng TMCP S được chấp nhận nên ông H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Trả lại Ngân hàng TMCP S số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[6] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Các Điều 119, 429, 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 Bộ Luật Tố tụng dân sự;
- Điều 90, 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S.

Buộc ông Nguyễn Trọng H phải trả cho Ngân hàng TMCP S toàn bộ khoản nợ tính đến ngày 29/6/2023 theo Giấy đề nghị cấp thẻ kiêm hợp đồng và Bản điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng TMCP S là: Nợ gốc: 34.016.671 đồng; Lãi: 38.660.038 đồng; tổng cộng: **70.676.709 đồng.**

2. Kể từ ngày 30/6/2023, ông H vẫn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ kiêm hợp đồng và Bản điều khoản và Điều kiện phát

hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng TMCP S cho đến khi thanh toán xong nợ gốc.

3. Về án phí:

- Ông Nguyễn Trọng H phải nộp 3.500.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.
- Hoàn trả Ngân hàng TMCP S số tiền 1.120.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 63455 ngày 29/3/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo luật định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM:

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

NGUYỄN VĂN THẮNG

Nơi nhận:

- TAND TP. Hà Nội;
- VKSND TP. Hà Nội;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các bên đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Thắng